

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Thân Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Q, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm H, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm H, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị Q trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T có tìm hiểu và đăng kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 21/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị cùng chung sống với gia đình nhà

chồng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến con cái. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã suy nghĩ tuy nhiên chị cảm thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa. Vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2017 hiện cháu Q đang ở cùng với bố, nên sau khi ly hôn chị sẽ để anh T là người trực tiếp nuôi con để cho con ổn định việc học.

3. *Về Tài sản chung và công nợ chung*: Chị Q xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Lý Thị Q kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P vào năm 2018. Theo anh vợ chồng chung sống tuy không hạnh phúc nhưng anh chưa có nguyện vọng ly hôn trong thời gian này. Do đó chị Q xin ly hôn, quan điểm của anh là chưa nhất trí ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2017, hiện cháu Q đang ở cùng anh. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh Q và anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung, công nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị Q trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh T không thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định, do đó, chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị Q, cho chị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh Q (sinh ngày 21/8/2017) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Lý Thị Q có quyền thăm nom con chung. Về cấp dưỡng anh T không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000379 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ còn chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ thường trú tại: Xóm H, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vắng mặt không có lý do và nguyên đơn là chị Lý Thị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 15/9/2020, Tòa án nhân dân huyện P đã mở phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa chị Q và anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Đến ngày 30/9/2020 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Do anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt nên cần áp dụng Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lý Thị Q và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Q yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến con cái, hiện nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Còn anh T tại bản tự khai cũng thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc nhưng hiện tại anh chưa nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q với anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được. Anh T mặc dù thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nhưng bản thân anh lại chưa muốn ly hôn và hiện tại chị Q, anh T vẫn đang sống ly thân. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và chị Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

2.2. *Về con chung:* Chị Q xác định hiện tại cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2017 đang sống cùng bố ổn định nên sau khi ly hôn chị nhất trí để anh T là người trực tiếp nuôi con còn anh T tại bản tự khai có ý kiến nếu trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2017 và anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Do chị Q nhất trí để anh T nuôi con chung và anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu Q đang sống ổn định cùng anh T, anh T đang lao động và sinh sống cùng bố mẹ tại Xóm H, xã B, huyện P, có nơi ở ổn định. Vì vậy, yêu cầu được nuôi con chung của anh T phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và chị Q cũng nhất trí nên cần giao con chung cho anh T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Q đến khi anh T có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị Q là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Q, anh T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lý Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị Q, cho chị Lý Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Lý Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Q đến khi anh T có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị Lý Thị Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000379 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

7. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị Lý Thị Q), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (anh Nguyễn Văn T), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang